

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2020/HS-ST**  
Ngày: 07-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Tòng**.  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Trần Thị Diễm Kiều**.

2/ Ông **Trần Văn Tùng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Trần Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông **Phan Thanh Việt** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với:

**- Bị cáo: Nguyễn Thắng L**, sinh năm 1980; tại tỉnh Bến Tre; Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Kim H; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc X (đã ly hôn), sống chung như vợ chồng với Phan Thị Kim N, có 01 người con sinh năm 2007; Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án

- Ngày 19/10/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 30/4/2016).

Nhân thân:

- Ngày 27/8/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 30/4/2020 và bị tạm giam đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Phan Văn T, sinh năm 1990 (Có mặt);

+ Lê Thị Hoài P, sinh năm 1994 (Có mặt);

Cùng trú tại: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

+ Trần Quốc V, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Trú tại: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

+ Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Trú tại: Số X, ấp P, xã P huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Phạm Công H, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Trú tại: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 30/12/2016, Nguyễn Thắng L điều khiển xe đạp từ nhà Phan Thị Kim N (sống chung như vợ chồng với L) đi tìm bẻ bắp chuối bán lấy tiền sinh sống. Khi đi ngang qua nhà ở thuê của vợ chồng anh Phan Văn T, chị Lê Thị Hoài P thuộc ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì L thấy nhà đóng cửa không có ai, nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà tìm tài sản lấy trộm. L đi đến cửa sau dùng tay mở dây kim loại (dây kẽm) buộc cửa rồi vào phòng ngủ tìm và lấy được 06 USD, tiếp tục đi đến phòng khách tìm trong tủ quần áo lấy được 2.000.000 đồng, 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc kiềng vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ và 01 nhẫn trang sức vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ, rồi giấu vào túi quần của mình. Lấy xong tài sản, L đi ra cửa sau đóng cửa lại rồi đi về nhà cất giấu tài sản. Theo lời khai của L, hai ngày sau, L xuống tiệm vàng ở xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre bán chiếc kiềng được 750.000 đồng. Bốn ngày sau L đem 03 nhẫn trơn vàng 24K và 01 nhẫn trang sức vàng 18K bán ở tiệm vàng Đặng Khá ở xã Tam Phước, Châu Thành. Tất cả số tiền bán vàng L tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá trị tài sản số 68/KL-HĐĐG ngày 13/02/2017 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành xác định: 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ có giá trị 13.800.000 đồng; 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ có giá trị 3.450.000 đồng; 01 chiếc kiềng vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ có giá trị 1.205.000 đồng và 01 nhẫn trang sức vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ có giá trị 1.692.000 đồng; 06 USD có giá trị 126.300 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 20.273.300 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Thắng L bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 30/4/2020 thì bị Cơ quan điều tra bắt theo quyết định truy nã.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Văn T và chị Lê Thị Hoài P yêu cầu bị can Nguyễn Thắng L bồi thường số tiền 22.273.300 đồng.

Cáo trạng số 38/CT-VKSCT ngày 26/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Nguyễn Thắng L về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” và áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thắng L từ 09 tháng đến 15 tháng tù.

\* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 22.273.300 đồng.

\* Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã trả lại xe mô tô biển số 71B1-052.36 (tạm giữ khi bắt theo thông báo truy tìm đối với bị cáo) cho bà Nguyễn Thị Kim H do không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Bị cáo, bị hại không có ý kiến, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử do đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên việc tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 08 giờ, ngày 30/12/2016, tại ấp Thuận Điền, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thắng L đã lén lút lấy trộm 2.000.000 đồng; 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc kiềng vàng 18K trọng

lượng 0,5 chỉ và 01 nhẫn trang sức vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ và 06 USD có giá trị 126.300 đồng của anh Phan Văn T và chị Lê Thị Hoài P. Tại bản kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐĐG ngày 13/02/2017 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành xác định: 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ có giá trị 13.800.000 đồng; 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ có giá trị 3.450.000 đồng; 01 chiếc kiềng vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ có giá trị 1.205.000 đồng và 01 nhẫn trang sức vàng 18K, trọng lượng 1,2 chỉ có giá trị 1.692.000 đồng; 06 USD có giá trị 126.300 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thắng L chiếm đoạt là 22.273.300 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thắng L đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sự thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[5] Xét tình tiết tăng nặng: Vào năm 2015, bị cáo đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2016 chưa được xóa án tích, đến ngày 30/12/2016 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn để bị bắt truy nã, đã gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo có con nhỏ chưa thành niên; bị cáo có bà ngoại là thương binh được quy định tại điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, bản tính xem thường pháp luật khó cải tạo giáo dục của bị cáo cùng với nhân thân xấu của bị cáo cần thiết cách ly

bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Văn T và chị Lê Thị Hoài P yêu cầu bị can Nguyễn Thắng L bồi thường số tiền 22.273.300 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên ghi nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho anh Phan Văn T và chị Lê Thị Hoài P số tiền 22.273.300 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 71B1-052.36 (tạm giữ khi bắt theo thông báo truy tìm đối với bị cáo) quá trình điều tra xác định là của bà Nguyễn Thị Kim H. Do không liên quan đến vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã trả lại xe mô tô biển số 71B1-052.36 cho bà Nguyễn Thị Kim H nên không xét đến.

[9] Đối với chiếc xe đạp bị cáo dùng đi hái bắp chuối và trộm cắp tài sản sản là của ông Phan Công H, ông H không biết bị cáo dùng xe đạp đi trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý đối với ông H.

[10] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo chịu trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1]** Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thắng L phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thắng L **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2020.

**[2]** Căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 584, 585, 586, 589 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thắng L bồi thường cho anh Phan Văn T và chị Lê Thị Hoài P số tiền 22.273.300 (Hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số

tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

**[3]** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23; Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thắng L phải chịu án phí là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị cáo Nguyễn Thắng L phải chịu án phí là 22.273.300 đồng x 5% = 1.113.000 (Một triệu một trăm mười ba nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND X. Tam Phước (1b);
- Những người tham gia tố tụng (7b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Phan Thanh Tòng**